

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/12/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK6+VSP01	7:25	18+0+0	0+0+0		15+1+6	0+0+0	CHUYEN 1 PPD-BK6
2		CTK3+BK20+CTK3	7:25	17+3+0	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYEN 3 CTK3-BK20
3		RC3+RP2+PPD	7:25	0+0+20	0+0+0		1+0+21	0+0+0	CHUYEN 1 RC3-RP2
4		P4+AMD+TGTH5	9:25	4+14+2	0+0+0		0+19+3	0+0+0	
5		CTK3+BK9+BK3	9:25	17+4+0	0+0+0		11+0+11	0+0+0	CHUYEN 4 CTK3-BK9
6		PP1+GTCT1+TTC3	9:25	0+15+0	0+0+0		2+17+3	0+0+0	
7		P10+P9+P11	11:25	5+8+1	0+0+0		4+12+2	0+0+0	
8		PPD+BK8+BK16	11:25	10+1+6	0+0+0		7+8+5	0+0+0	
9		RC5+BK14+CTK3	11:25	3+5+10	0+0+0		0+6+12	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ RC3 ING VỀ ĐI RC5; CTK3 1 NGƯỜI VỀ ĐI gic1



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2024	TO: PPD - BK6 - VSP01	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: QVIỆT - ĐNAM - MQUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN YÊN	PPD	44	1	4			61	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN MINH TUAN	PPD	28	1	8			82	KHI	Vietnamese
3	ARTYUSHIN SERGEY	PPD	43	1	10			91	ANTOAN	Russian
4	TRẦN ĐỨC KHANG	PPD	34	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO VIET ANH	PPD	38-39	2	7			77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRƯỜNG GIANG	PPD	36	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH KIM	PPD	41	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRỌNG HOANG	PPD	31-32	2	9			75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN MẠNH CHIẾN	PPD	30	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI NGỌC DUNG	PPD	35	1	7			56	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN PHONG	PPD	48	1	3	2	30	72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TUÂN ANH	PPD	46-47	2	14			76	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG XUÂN HAI	PPD	27	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
14	VÔ HỒ HAI	PPD	40	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO HỮU NAM	PPD	42	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
16	VU ĐỨC TÔN	PPD	45	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN MẠNH THĂNG	PPD	37	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯƠNG VĂN TĂNG	PPD	33	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HONG QUAN	PPD	29	1	8			76	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	19	1.326	22	122	2	30	15+	1	CHUYEN 1 PAX PPD-BK6
2	BK6	0	0	0	0	0	0	1		
3	VSP01	0	0	0	0	1	10	6		
TOTAL		19	1.326	22	122	3	40	22		
WEIGHT KG			1.326		122		40			

GRAND TOAL: 1.488 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2024	TO: CTK3 - BK20 - CTK3.	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BOGDANOV E.V	CTK3	72	1	9			78	KH-THAC	Russian
2	TRINH QUOC HUY	CTK3	71	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
3	VU CONG KHANG	CTK3	74	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH QUYET	CTK3	68	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HONG ANH	CTK3	76	1	4			55	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN DUNG	CTK3	75	1	2			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BA HUE	CTK3	67	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM DUC BINH	CTK3	70	1	16			77	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN HOANG SANG	CTK3	73	1	14			90	KH-THAC	Vietnamese
10	LE THANH CHUNG	CTK3						76	KH-THAC	Vietnamese
11	PHUNG DINH HAI	CTK3	79	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG LINH	CTK3	77	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MANH HUNG	CTK3	65	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐAM VAN THANH	CTK3	78	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN SON HA	CTK3	69	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN HUU TRUNG	CTK3	66	1	11	4	80	81	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN CUONG	CTK3	66	1	12	1	19	60	KH-THAC	Vietnamese
18	LUYEN VAN THIEU	BK20	61	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN KHANH HUNG	BK20	26	1	11	3	22	70	CODIEN	Vietnamese
20	PHAM VAN DUNG	BK20	27	1	14			54	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	17	1.227	16	116	5	99	0	3	Chuyen 3 pax + 80kg hang CTK3-BK20
2	BK20	3	206	3	33	3	22	0		
3	CTK3.	0	0	0	0	0	0	22		
TOTAL		20	1.433	19	149	8	121	22		
WEIGHT KG			1.433		149		121			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/12/2024	TO: RC3 - RP2 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - NPHÚ - THỤ	ETA: 09:30
VANG-1			

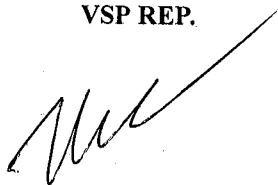
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG ĐÌNH HÓA	PPD	82	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
2	DUƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	78	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔ QUỐC THỊNH	PPD	79-80	2	13			58	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN HOÀI BAO	PPD	74	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	72	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔ NGUYỄN MINH KHÔI	PPD	83	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN CUÔNG	PPD	77	1	5			78	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG TOÀN	PPD	73	1	5			76	KHI	Vietnamese
9	LÊ QUANG NINH	PPD						69	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	85	1	7			76	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH NGỌC	PPD	86-87	2	12			72	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	92	1	4			73	PSV	Vietnamese
13	BUI XUÂN ĐIỆP	PPD	88	1	9			67	PSV	Vietnamese
14	PHẠM VIỆT HOÀNG	PPD	91	1	4			51	PSV	Vietnamese
15	LÊ TIẾN LỢI	PPD	89-90	2	8			68	PSV	Vietnamese
16	VU THẾ LIÊN	PPD	76	1	7			67	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH LAM	PPD	84	1	7			78	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG TÂN *NGHĨA	PPD	81	1	5			58	PSV	Vietnamese
19	PHẠM VĂN GIANG	PPD	75	1	4			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

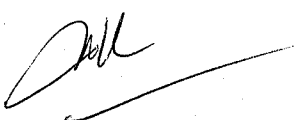
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC3	0	0	0	0	2	40	1+	1	CHUYEN 1 PAX RC3
2	RP2	0	0	0	0	0	0	0		-RP2
3	PPD	19	1.321	21	117	0	0	21		
TOTAL		19	1.321	21	117	2	40	22		
WEIGHT KG			1.321		117		40			

GRAND TOAL: 1.478 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2024		TO: P4 - AMD - TGTH5				AIRCRAFT: 428			ETD: 09:50	
FLIGHT:		FROM: VT				CREW: VIỆT - ĐNAM - MQUÂN			ETA: 11:40	
TRANG-2										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN ĐỨC QUANG	P4	10	1	6			69	KHI	Vietnamese
2	PHẠM LINH TUNG	P4	11	1	5			71	KHI	Vietnamese
3	TRẦN BÌNH ĐỨC	P4	12	1	5			70	KHI	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN TRUNG	P4	13	1	5			78	KHI	Vietnamese
5	TRẦN LÊ HOA	AMD	91	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI MINH KHA	AMD	98	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	93	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	94	1	6			50	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC TUÂN	AMD	96	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN VIỆT	AMD	88	1	10			86	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HIẾU	AMD	95	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	AMD	100	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	AMD	90	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	92	1	12	1	4	70	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ NGỌC DƯƠNG	AMD	89	1	7	4	70	69	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	AMD	99	1	13			81	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG NHẬT QUANG	AMD	97	1	5			65	BAB	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC VIỆT	AMD	200	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
19	THAI THANH THAO	TGTH5	32-33	2	14			76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN GIANG	TGTH5	99	1	5			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	4	288	4	21	0	0	0		
2	AMD	14	943	14	91	5	74	18		
3	TGTH5	2	148	3	19	0	0	3		
TOTAL		20	1.379	21	131	5	74	21		
WEIGHT KG			1.379		131		74			

GRAND TOAL: 1.584 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2024		TO: CTK3 - BK9 - BK3			AIRCRAFT: 406			ETD: 09:55		
FLIGHT: 5		FROM: VT			CREW: LINH - MTHAO - HIẾU			ETA: 11:45		
CAM-2										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN QUỐC KIỆM	CTK3	46-47	2	18			91	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ QUANG THẮNG	CTK3	35	1	11			83	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN KHUÔNG	CTK3	39	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3	57	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	36-38	3	19			62	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ HỮU HÀ	CTK3	50	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO VĂN BÌNH	CTK3	42	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐO HỮU ĐỨC	CTK3	43	1	10			96	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VĂN TUNG	CTK3	48-49	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐO VĂN ĐÌNH	CTK3	51	1	12			71	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH THANH	CTK3	45	1	14			70	XAYLAP	Vietnamese
12	HỒ THE ANH	CTK3	52	1	13			63	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	CTK3	55-56	2	15			74	XAYLAP	Vietnamese
14	CAO NGỌC THANH	CTK3	40-41	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN HUY THUƠNG	CTK3	58	1	17			87	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HOÀNG KHANH	CTK3	53-54	2	17			67	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN ANH	CTK3	44	1	18			76	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	BK9	02-03	2	12			67	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN BAO	BK9	04-05	2	13			66	ANTOAN	Vietnamese
20	ĐẶNG TUẤN ANH	BK9	06	1	9			88	CODIEN	Vietnamese
21	DƯƠNG HỮU THUẬN	BK9	07	1	7	6	76	63	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	17	1.256	24	234	0	0	11		CHUYEN 3 PAX CTK3-BK9
2	BK9	4	284	6	41	6	76	0		
3	BK3	0	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		21	1.540	30	275	6	76	22		
WEIGHT KG			1.540		275		76			

GRAND TOAL: 1.891 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

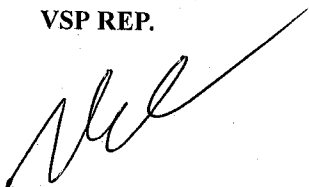
DATE: 10/12/2024		TO: RP1 - GTC1 - TTC3			AIRCRAFT: 426			ETD: 09:58		
FLIGHT: 6		FROM: VT			CREW: VTHẮNG - NPHÚ - THỤ			ETA: 11:50		
VANG-2										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI VAN THOAI	RP1	29	1	3			73	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN PHI KHAI HOAN	GTC1	94	1	4	1	8	73	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẠO KIM CUÔNG	GTC1	900	1	2	3	45	60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN SƠN TUNG	GTC1						78	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN TUYẾN	GTC1	04	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRI CHUNG	GTC1	05,06	2	12			55	KH-THAC	Vietnamese
7	KIỀU VĂN TUẤN	GTC1	99	1	4			75	PSV	Vietnamese
8	ĐINH DANH VY	GTC1	95	1	5			64	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN HOÀ	GTC1	88	1	11			60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN KHA	GTC1	82-83	2	17			73	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN PHI HÙNG	GTC1	92-93	2	14			65	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM QUANG CHUNG	GTC1	87	1	16	2	28	53	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN MINH TÚ	GTC1	89-90	2	24			64	XAYLAP	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN THANH	GTC1	91	1	11			74	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC HẠO	GTC1	84-85	2	22			77	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐĂNG THANH	GTC1	86	1	10			63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

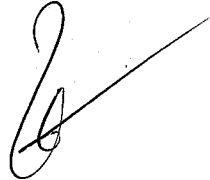
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	1	73	1	3	0	0	1		
2	GTC1	15	1.002	19	149	6	81	17		
3	TTC3	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		16	1.075	20	152	6	81	21		
WEIGHT KG			1.075		152		81			

GRAND TOAL: 1.308 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2024	TO: P10 - P9 - P11	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - N.CUONG -	ETA: 14:00
VANG-3		NNAM	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE VU THUAT	P10	95	1	11	1	16	63	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN BINH TRONG	P10	96	1	7			81	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAM VAN TAI	P10	98-99	2	10			76	PSV	Vietnamese
4	TRAN DINH LIEM	P10	94	1	8			80	PSV	Vietnamese
5	PHAM BA KHANH	P10	700	1	15			72	PSV	Vietnamese
6	PHAN THANH NAM	P10	97	1	11			76	PSV	Vietnamese
7	LE TUAN ANH	P10	79	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TUNG	P9	79	1	5	2	18	70	KH-THAC	Vietnamese
9	QUAN HONG QUANG	P9	64	1	7			70	XAYLAP	Vietnamese
10	DOAN VAN THUAN	P9	81	1	12			70	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN VIET BINH	P9	63	1	7			61	PSV	Vietnamese
12	DUONG VIET DUNG	P9	90	1	5			50	PSV	Vietnamese
13	BUI VAN THUAN	P9	89	1	5			75	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VAN QUANG	P9	91,88	2	15			68	PSV	Vietnamese
15	DO LE NGOC HOANG	P9	80	1	5			55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	7	522	8	69	1	16	5		
2	P9	8	519	9	61	2	18	12		
3	P11	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		15	1.041	17	130	3	34	19		
WEIGHT KG			1.041		130		34			

GRAND TOAL: 1.205 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2024	TO: PPD - BK8 - BK16	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - DTÙNG	ETA: 14:05
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN MINH ĐÔNG	PPD	93	1	3			46	PSV	Vietnamese
2	TRẦN VĂN THUẬT	PPD	94	1	4			67	PSV	Vietnamese
3	VÔ ĐỨC NGHĨA	PPD	97	1	8			65	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THUY	PPD	44-45	2	14	3	48	52	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
5	NGUYỄN VINH TÍNH	PPD	95-96	2	11			53	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
6	THAI TRẦN PHONG	PPD	99	1	12			64	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	PPD	01,42	2	11			72	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
8	ĐỖ HỒNG HOÀN	PPD	43	1	10			67	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
9	MOHAMACH SOLES	PPD	98	1	5			71	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
10	LÊ MINH PHƯỢNG	BK8	80	1	9			60	DVL	Vietnamese
11	PHẠM VĂN KHANG	BK16	36	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN DƯ	BK16	42	1	8			56	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ MINH THĂNG	BK16	38	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯU ĐỨC TUÂN	BK16	39	1	5			90	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN BA LINH	BK16				2	31	64	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HIỆP	BK16	37	1	8			74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	9	557	12	78	3	48	7		
2	BK8	1	60	1	9	0	0	8		
3	BK16	6	440	5	29	2	31	5		
TOTAL		16	1.057	18	116	5	79	20		
WEIGHT KG			1.057		116		79			

GRAND TOAL: 1.252 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/12/2024	TO: RC5 - BK14 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:20
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: DUONG - N.ANH - VU	ETA: 14:10
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE DUY AN	RC5	76-77	2	18			120	ANTOAN	Vietnamese
2	PHAN MANH CUONG	RC5	74-75	2	20			83	ANTOAN	Vietnamese
3	HO QUANG HIEP	RC5	72-73	2	12			66	DK9	Vietnamese
4	IUSUPOV D.C.	BK14	52	1	7			79	KH-THAC	Russian
5	NGUYEN DUC HIEP	BK14	54	1	10	1	16	69	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN TUAN NGOC	BK14	49-50	2	20			57	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI HONG SANG	BK14	57	1	5	2	28	89	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG VINH	BK14	51	1	10			79	XAYLAP	Vietnamese
9	DANG CONG DANH	BK14	59-60	2	20	3	33	70	CODIEN	Vietnamese
10	VU QUANG DUONG	CTK3	31	1	15			72	XAYLAP	Vietnamese
11	DO DANG THANH	CTK3	34	1	3			68	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN HUY HIEU	CTK3	33	1	2			60	PSV	Vietnamese
13	LE VAN MINH	CTK3	30	1	3			85	PSV	Vietnamese
14	LE CONG VAN	CTK3	28	1	7			68	PSV	Vietnamese
15	LE TUAN VU	CTK3	32	1	7			99	PSV	Vietnamese
16	LE TRAN MINH KHANH	CTK3	25	1	6			60	PSV	Vietnamese
17	PHAM HUU MINH	CTK3	26	1	6			64	PSV	Vietnamese
18	LE DUY HAI	CTK3	29	1	3			74	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN KIM NIEN	CTK3	27	1	5			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC5	3	269	6	50	0	0	0		
2	BK14	6	443	8	72	6	77	6		
3	CTK3	10	708	10	57	0	0	12		
TOTAL		19	1.420	24	179	6	77	18		
WEIGHT KG			1.420		179		77			

GRAND TOAL: 1.676 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN